# Tiết 79-80. BÀI 25: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Nhận biết được quy tắc cộng, trừ phân số.
* Nhận biết được các tính chất của phép cộng phân số.
* Nhận biết được số đối của một phần số.

**2. Năng lực**

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, tự chủ; giao tiếp, hợp tác
* **Năng lực riêng:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

* Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS. Bồi dưỡng lòng biết ơn, tinh thần trách nhiệm hứng thú học tập Toán.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Chuẩn bị giáo án

- Vấn đề có thể khó: Số đối của một phân số

- Cách tiếp cận phép trừ phân số khác với cách tiếp cận theo SGK trước đây. SGK trước đây nhấn mạnh đến cấu trúc khi định nghĩa phép trừ là phép cộng với số đối. Trong SGK Toán 6, chúng tôi tiếp cận một cách tự nhiên khi phép trừ chi là mở rộng phép trừ của hai phân số dương mà HS đã học ở Tiểu học. Sau đó đưa ra chú ý rằng phép trừ như vậy chính là phép cộng với số đối.

**2. Đối với học sinh:** Ôn tập về cộng, trừ phân số với tử và mẫu dương đã học ở Tiểu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: GV yêu cầu hs đọc bài toán mở đầu

|  |  |
| --- | --- |
| Tuấn ước tính cần 3 giờ ngày Chủ nhật để hoàn thành một bức tranh tặng mẹ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3. Buổi sáng bạn dành ra $\frac{2}{3} $giờ để vẽ, buổi chiều Tuấn tiếp tục dành ra $\frac{5}{3} $giờ để vẽ. Hỏi buổi tối Tuấn cần dành khoảng bao nhiêu giờ nữa để hoàn thành bức tranh? |  |

Để làm được bài toán này chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Phép cộng hai phân số**

**a. Mục tiêu**: thông qua hướng dẫn của gv, gs biết cách cộng 2 phân số cùng mẫu

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện HĐ1.

- GV kết luận trong hộp kiến thức.

- VD1: HS tự đọc hoặc GV làm mẫu trên bảng.

- HS tự làm vào vở luyện tập 1

- GV yêu cầu hai HS cho đáp số và rút ra kết luận.

- HS thực hiện HĐ2.

- GV kết luận trong hộp kiến thức.

- VD2: GV nên trình bày mẫu cho HS.

- Luyện tập 2: HS tự làm, GV gọi một HS lên bảng trình bày.

- HS thực hiện HĐ3

- GV rút ra kết luận về số đối.

- GV lưu ý cho HS: $-\frac{a}{b}$ = $\frac{-a}{b}$ = $\frac{a}{-b}$

- Số đối của 0 là 0.

- HS tự làm luyện tập 3

- GV phát vấn một vài HS cho kết quả.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**Hoạt động 2: Tính chất của phép cộng phân số**

**a. Mục tiêu**:

* Tính chất giao hóa và kết hợp của phép cộng số nguyên cũng đúng với phân số
* Vận dụng các tính chất cỉa phép cộng để tính nhanh

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV thuyết trình, mô tả cho HS

- Tính chất cộng với số 0 để ở bóng nói để tránh nặng nề, hàn lâm

- Ví dụ 4: GV nên trình bày mẫu và diễn giải cho HS.

- HS tự thực hiện luyện tập 4

- GV gọi một HS lên bảng làm bài.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**Hoạt động 3: Phép trừ hai phân số**

**a. Mục tiêu**: Củng cố phép trừ hai phân số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- HĐ4:**

+ HS thực hiện HĐ4.

+ GV rút ra kết luận trong hợp kiến thức.

**- VD4:** GV nên trình bày mẫu và diễn giải phép tính.

- **Luyện tập 5:**

**+** HS tự làm luyện tập 5

+ GV yêu cầu hai HS lên bảng trình bày lời giải

**- Chú y‎:** GV thuyết trình và cho ví dụ minh hoạ. Mục đích nhấn mạnh phép trừ là phép toán ngược của phép cộng và từ đó xem xét tinh chất của phép trừ như phép cộng.

**- VD5:** GV yêu cầu HS đọc lại bài toán mở đầu và làm bài toán này.

**- Thử thách:**

**+** GV cho HS trả lời nhanh.

+ GV có thể thiết lập bàng nhiều số hơn và lập các nhóm để chơi trò chơi ai tìm ra số nhanh hơn

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.

+ GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**Câu 6.21: Tính:**

**a.** $\frac{-1}{13}$ + $\frac{9}{13}$

b. $\frac{-3}{8}$ + $\frac{5}{12}$

**Câu 6.22: Tính**

**a.** $\frac{-5}{3} $- $\frac{-7}{3}$

**b.** $\frac{5}{6}$ - $\frac{8}{9}$

**Câu 6.23:**Tính một cách hợp lí .

A= ($\frac{-3}{11}$**) +** $\frac{11}{8}$ **-** $\frac{3}{8}$**+ (**$\frac{-8}{11})$

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 6.21: Tính:**

**a.** $\frac{-1}{13}$ + $\frac{9}{13}$ = $\frac{8}{13}$

b. $\frac{-3}{8}$ + $\frac{5}{12}$ = $\frac{-9}{24}$ +$\frac{10}{24} $ = $\frac{1}{24}$

**Câu 6.22: Tính**

**a.** $\frac{-5}{3}$ - $\frac{-7}{3}$ = $\frac{-12}{3}$ = 4

b. $\frac{5}{6}$ - $\frac{8}{9}$ = $\frac{15}{18} $- $\frac{16}{18}=\frac{-1}{18}$

**Câu 6.23:**

**A =** $\frac{-3}{11}$ **+** $\frac{11}{8}$ **-** $\frac{3}{8}$ **+** $\frac{-8}{11}$

**A = (**$\frac{11}{8}$ **-** $\frac{3}{8}$**) + (**$\frac{-3}{11}$**+** $\frac{-8}{11}$**)**

**A = +** $\frac{8}{8}+ + \frac{-11}{11}$

A = 1 + (-1) = 0

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

**Câu 6.24:**Chị Chi mới đi làm và nhận được tháng lương đầu tiên. Chị quyết định dùng $\frac{2}{5}$ số tiền đó để chi tiêu trong tháng, dành $\frac{1}{4}$ số tiền để mua quà biếu bố mẹ . Tìm số phần tiền lương còn lại của chị Chi.

**Câu 6.25:**Mai tự nhẩm tính về thời gian biểu của mình trong một ngày thì thấy $\frac{1}{3}$  thời gian là dành cho việc học ở trường ; $\frac{1}{24} $thời gian là dành cho các hoạt dộng ngoại khóa ;$ \frac{7}{16}$ thời gian dành cho hoạt động ăn , ngủ . Còn lại là thời gian dành cho các công việc cá nhân khác. Hỏi:

a) Mai đã dành bao nhiêu phần thời gian trong ngày cho việc học ở trường và hoạt động ngoại khóa ?

b) Mai đã dành bao nhiêu phần thời gian trong ngày cho các công việc cá nhân khác?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 6.24:** Số phần tiền lương còn lại của chị Chi là :

 1 - $\frac{2}{5}$ - $\frac{1}{4}$ = $\frac{20}{20}$ - $\frac{8}{20}$ - $\frac{5}{20}$ = $\frac{7}{20}$ (phần)

**Câu 6.25:**

a) Mai đã dành số  phần thời gian trong ngày cho việc học ở trường và hoạt động ngoại khóa là :

$\frac{1}{3}$ + $\frac{1}{24}$ = $\frac{8}{24}$ + $\frac{1}{24}$ = $\frac{9}{24}$ = $\frac{3}{8}$ (phần)

b) Mai đã dành số  phần thời gian trong ngày cho các công việc cá nhân khác là:

1 - $\frac{3}{8}$ - $\frac{7}{16}$ = $\frac{16}{16}$ - $\frac{6}{16} $- $\frac{7}{16}$ = $\frac{3}{16}$ (phần)

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**\* RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................